

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG, TRỒNG MỘT
SỐ LOẠI CÂY TRỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT-TTĐVNN ngày tháng năm 2025)

TT	Đơn vị	Số văn bản góp ý	Dự thảo định mức	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
I	Thống nhất với dự thảo				
1	Sở Tài chính	Công văn số 512/STC-NS&HCSN ngày 27/03/2025		- Thống nhất với dự thảo Quyết định ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. - Không có ý kiến đối với nội dung về định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng.	
2	Sở Khoa học và công nghệ	Công văn số 170/SKHCN-TTr ngày 21/03/2025		Thống nhất với dự thảo	
3	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Công văn số 40/SDTG-CSDT ngày 14/03/2025		Thống nhất với nội dung dự thảo văn bản	
4	Ban quản lý khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Công văn số 33/BQLKNN-NCUDKKHCN ngày 27/02/2025		Thống nhất với nội dung các dự thảo	
5	Hội liên hiệp Phụ nữ	Công văn số 1823/BTV-TGCS ngày 19/03/2025		Thống nhất với nội dung hướng dẫn dự thảo	
6	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Công văn số 522/SVHTTDL-VP ngày 17/03/2025		Thống nhất với nội dung dự thảo	
7	UBND huyện Bù Đăng	Công văn số 504/UBND-KT ngày 26/03/2025		Thống nhất với nội dung dự thảo	
8	UBND huyện Lộc Ninh	Công văn số 772/UBND-KT ngày 25/03/2025		Thống nhất nội dung dự thảo	
9	UBND huyện Bù	Công văn số 341/UBND-SX ngày		Thống nhất với nội dung dự thảo	

	Gia Mập	27/03/2025			
10	UBND huyện Hớn Quản	Công văn số 836/UBND-KT ngày 31/03/2025		Thống nhất với nội dung dự thảo	
11	UBND huyện Đồng Phú	Công văn số 1409/UBND-KT ngày 14/04/2025		Thống nhất với nội dung dự thảo	
12	UBND Thị xã Chơn Thành	Công văn số 522/UBND-KTN ngày 22/04/2025		Thống nhất nội dung các dự thảo	
II Không có ý kiến					
1	Sở Xây dựng	Công văn số 137/SXD-QLXD ngày 14/03/2025		Theo chức năng, nhiệm vụ của Sở Xây dựng không có ý kiến	
2	Sở Y tế	Công văn số 1312/SYT-KHTC ngày 12/03/2025		Các nội dung không thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Y tế. Do đó, Sở Y tế không có ý kiến.	
3	Sở Nội vụ	Công văn số 729/SNV-VP ngày 14/03/2025		Sở Nội vụ không có nội dung liên quan nên không có ý kiến góp ý.	
III Ý kiến góp ý					
1	Sở Công thương	Công văn số 513/SCT-VP ngày 14/03/2025		<p>* Sở Công Thương nhận thấy việc ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh là cần thiết.</p> <p>Về định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu áp dụng Thông tư 06/2021/TT-BNNPTNT ngày 15/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các tỉnh tiếp giáp với Bình Phước để tham mưu.</p>	<p>* Tiếp thu ý kiến. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 06/2021/TT-BNNPTNT ngày 15/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, sản phẩm dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng còn kết hợp sử dụng thêm phương pháp tham khảo, so sánh đối chiếu Định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống,</p>

					trồng một số loại cây trồng của các vùng lân cận. Lựa chọn các vùng lân cận (Đắk Nông, Đồng Nai) có điều kiện canh tác tương đồng để tham khảo đảm bảo tính chính xác khi so sánh đối chiếu.
2	Sở Tư pháp	Công văn số 680/STP-PC ngày 19/03/2025		<p>1. Về thể thức văn bản: Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, chỉnh sửa lại thể thức của dự thảo Quyết định cho phù hợp theo mẫu số 18 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>2. Về nội dung văn bản</p> <p>a. Tại căn cứ pháp lý thứ 1 của dự thảo Quyết định đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉnh sửa lại như sau cho đúng, cụ thể:</p>	<p>1. Về thể thức văn bản: Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa, bổ sung theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (<i>Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 đã hết hiệu lực</i>).</p> <p>2. Về nội dung văn bản:</p> <p>a. Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa thành: <i>Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025.</i></p>

			<p><i>“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025”</i></p> <p>Lưu ý: Căn cứ pháp lý thứ 3,4 của dự thảo Quyết định hết hiệu lực thi hành ngày 01/4/2025.</p>	<p>- Căn cứ pháp lý thứ 3, 4 của dự thảo Quyết định hết hiệu lực thi hành ngày 01/4/2025. Sẽ được bổ sung các căn cứ, cụ thể như sau:</p> <p><i>Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</i></p>
			<p>b. Tại căn cứ pháp lý thứ 5 của dự thảo Quyết định đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường bổ cụm từ “số 31/2018/QH14” cho phù hợp. Đồng thời rà soát và bổ sung đầy đủ các căn cứ pháp lý làm cơ sở để ban hành Quyết định.</p>	<p>b. Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa bổ cụm từ “số 31/2018/QH14” thành: <i>Căn cứ Luật trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018.</i></p> <p>Đồng thời rà soát bổ sung thêm căn cứ pháp lý: <i>Luật thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017.</i></p>
			<p>c. Tại gạch đầu dòng thứ nhất khoản 1 Điều 1 dự thảo Quyết định đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường bổ sung cụm từ “Quyết định này quy định” trước cụm từ “Định mức kinh tế - Kỹ thuật” cho đầy đủ phù hợp. Đồng thời bổ sung thêm một khoản quy định cụ thể: <i>“Đối với việc sản xuất giống,</i></p>	<p>c. Tiếp thu ý kiến, bổ sung cụm từ “Quyết định này quy định”, chỉnh sửa thành: Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.</p>

				<p>trồng các loại cây trồng khác chưa được quy định định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng các loại cây tại Quyết định này thì thực hiện theo các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận” cho đầy đủ phù hợp và bao quát.</p> <p>d. Tại tiêu đề của Điều 2 dự thảo Quyết định đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường bỏ cụm từ “Nội dung” trước cụm từ “Định mức kinh tế - kỹ thuật” cho phù hợp. Đồng thời bổ sung cụm từ “Kinh tế - kỹ thuật” trước cụm từ “Định mức” cho đầy đủ và phù hợp.</p>	<p>Đồng thời bổ sung thêm khoản “Đối với việc sản xuất giống, trồng các loại cây trồng khác chưa được quy định định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng các loại cây tại Quyết định này thì thực hiện theo các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận”. khoản này được bổ sung tại Điều 4: Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>d. Tiếp thu ý kiến, bỏ cụm từ “Nội dung”, chỉnh sửa thành Điều 2: Định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Đồng thời bổ sung cụm từ “Kinh tế - kỹ thuật”, điều chỉnh đưa sau cụm từ “Định mức”, để cho phù hợp thống nhất chỉnh sửa như sau: “Điều 2: Định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. 1. Định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống điều, nuôi và sản xuất giống thủy</p>
--	--	--	--	--	---

				<p>sản nước ngọt trong ao (<i>Phụ lục I kèm theo</i>).</p> <p>2. Định mức kinh tế - kỹ thuật trồng một số loại cây trồng: cây sầu riêng, cây điều, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê vối (<i>Phụ lục II kèm theo</i>).”</p> <p>đ. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường bổ sung thêm 1 Điều quy định về chuyển tiếp cho phù hợp.</p>	<p>đ. Tiếp thu ý kiến, bổ sung thêm Điều 4: Điều khoản chuyển tiếp:</p> <p>“1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo quyết định đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành trở về sau thì áp dụng theo Quyết định này.</p> <p>3. Đối với việc sản xuất giống, trồng các loại cây trồng khác chưa được quy định định mức kinh tế -</p>
--	--	--	--	---	--

				<p>kỹ thuật sản xuất giống, trồng các loại cây tại Quyết định này thì thực hiện theo các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận.”</p> <p>e. Đối với nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát các quy định của pháp luật và lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan để tham mưu UBND tỉnh quy định cho đúng quy định và tình hình thực tế của địa phương.</p>	<p>e. Tiếp thu ý kiến, giải trình: Trong quá trình xây dựng dự thảo Quyết định quy định định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Sở đã nghiên cứu, rà soát các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương (trong tỉnh và ngoài tỉnh) để xây dựng, đồng thời tổ chức lấy ý kiến các Sở, ban ngành và địa phương trước khi tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định. Sau khi quyết định được ban hành, Sở sẽ tổ chức triển khai thực hiện và thường xuyên rà soát, đánh giá để tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật còn thiếu hoặc điều chỉnh, bổ sung khi không còn phù</p>
--	--	--	--	--	--

					hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.
3	UBND thị xã Phước Long	Công văn số 463/UBND-KT ngày 28/03/2025		<p>1. Đối với khoản 2, Điều 4 Dự thảo Quyết định Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước: Hiện nay, các cơ quan có thẩm quyền đang nghiên cứu, xây dựng Đề án nhằm thực hiện Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 128-KL/TW ngày 07/03/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trên tinh thần tổ chức chính quyền 02 cấp và không tổ chức cấp huyện. Nhằm tạo thuận lợi trong việc thi hành Quyết định sau khi ban hành, đề nghị nghiên cứu phân chia trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định và áp dụng định mức về “các cơ quan, đơn vị có liên quan”.</p> <p>2. Đối với Định mức kinh tế - kỹ thuật trồng cây Điều tại Mục 2, Phụ lục II Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật trồng một số loại cây trồng: Đề nghị nghiên cứu bổ sung bón lần 01 phân lân tương đương hàm lượng lân nguyên chất (P_2O_5): 225 (g/cây/lần) theo định mức tại Quyết định</p>	<p>1. Tiếp thu, giải trình: Sau khi tổng hợp các ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, địa phương cho định mức, hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt định mức trước khi chấm dứt hoạt động của cấp huyện. Vì vậy, trong thời gian này do chưa thực hiện chính quyền 02 cấp, do đó vẫn giữ nguyên cấp huyện như trong dự thảo quyết định.</p> <p>2. Tiếp thu ý kiến, bổ sung vào Phụ lục II, định mức cho cây điều, ở phần vật tư: bón lần 01 phân lân tương đương hàm lượng lân nguyên chất (P_2O_5): 225 (g/cây/lần) theo định mức tại “Quyết định 4497/QĐ-BNN-TT ngày 03/11/2015 của Bộ</p>

			<p>4497/QĐ-BNN-TT ngày 03/11/2015 của Bộ Nông nghiệp.</p> <p>3. Đối với định mức kinh tế - kỹ thuật trồng cây hồ tiêu tại Mục 3, Phụ lục II Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật trồng một số loại cây trồng: Do bệnh chết nhanh trên cây Hồ tiêu do chủng nấm Phytophthora là bệnh nguy hiểm và gây hại ở mọi giai đoạn sinh trưởng của cây. Hiện nay, việc trị bệnh bằng thuốc bảo vệ thực vật chưa đạt hiệu quả cao mà thực hiện phòng là chính. Mặt khác, các chủng nấm đối kháng cần được bổ sung định kỳ để đạt hiệu quả cao. Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm Chế phẩm nấm đối kháng Trichoderma vào giai đoạn năm thứ nhất trong thời kỳ kiến thiết cơ bản của cây với liều lượng tương tự các năm 2, 3, 4.</p> <p>4. Đối với định mức bón vôi bột tại các Mục 1 - 5, Phụ lục II Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật trồng một số loại cây trồng: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm cụm từ “có thể tăng giảm tùy thuộc vào độ pH của đất”.</p> <p>5. Ngoài ra, đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung định mức một số</p>	<p><i>Nông nghiệp về ban hành quy trình trồng thay thế và thâm canh điều”.</i></p> <p>3. Tiếp thu ý kiến, bổ sung vào Phụ lục II, định mức cho cây hồ tiêu, phần vật tư: Bổ sung nấm đối kháng Trichoderma cho năm thứ nhất: 80 kg (theo “<i>Quyết định số 730/QĐ-BNN-TT ngày 05/03/2015 về quy trình trồng, chăm sóc và thu hoạch hồ tiêu</i>” thì đối với vườn tiêu cũ phải trồng tái canh cần sử dụng nấm đối kháng Trichoderma xử lý hố trước khi trồng).</p> <p>4. Tiếp thu, bổ sung cụm từ: “<i>Nếu pH đất giảm thì cần bón vôi. Nếu pH đất >6,5 thì không nên bón thêm vôi</i>” vào phần ghi chú.</p> <p>5. Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa giải trình:</p>
--	--	--	---	--

			<p>loại vật tư khác tại Phụ lục II Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật trồng một số loại cây trồng như sau:</p> <p>a. Cây sầu riêng:</p> <p>* Phân hữu cơ (kg/cây/năm)</p> <p>- Thời kỳ KTCB:</p> <p>+ Năm 2: 5-8</p> <p>+ Năm 3: 5-8</p> <p>+ Năm 4: 8-12</p> <p>+ Năm 5: 8-12</p> <p>- Thời kỳ kinh doanh (Từ năm thứ 6 trở đi): 12-20</p> <p>* Vôi bột (kg/cây/năm):</p> <p>- Thời kỳ KTCB:</p> <p>+ Năm 2:</p> <p>+ Năm 3:</p> <p>+ Năm 4:</p> <p>+ Năm 5:</p> <p>- Thời kỳ kinh doanh (Từ năm thứ 6 trở đi): 2-4</p>	<p>loại vật tư khác tại Phụ lục II Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật trồng một số loại cây trồng như sau:</p> <p>a. Cây sầu riêng:</p> <p>* Phân hữu cơ (kg/cây/năm)</p> <p>- Thời kỳ KTCB:</p> <p>+ Năm 2: 8-12</p> <p>+ Năm 3: 8-12</p> <p>+ Năm 4: 12-16</p> <p>+ Năm 5: 16-20</p> <p>- Thời kỳ kinh doanh (Từ năm thứ 6 trở đi): 20-40</p> <p><i>Áp dụng theo Quyết định số 116/QĐ-TT-VPPN ngày 20/03/2023 của Cục Trồng trọt về việc công nhận tiến bộ kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt</i></p> <p>* Vôi bột (kg/cây/năm):</p> <p>- Thời kỳ KTCB:</p> <p>+ Năm 2: 1</p> <p>+ Năm 3: 2</p> <p>+ Năm 4: 2-3</p> <p>+ Năm 5: 2-3</p> <p>- Thời kỳ kinh doanh (Từ năm thứ 6 trở đi): 4-6</p> <p><i>Áp dụng theo Quyết định số 116/QĐ-TT-VPPN ngày 20/03/2023</i></p>	<p>a. Cây sầu riêng:</p> <p>* Giữ nguyên theo dự thảo, vì Sở đã nghiên cứu, rà soát xây dựng định mức theo “<i>Quyết định số 116/QĐ-TT-VPPN ngày 20/03/2023 của Cục Trồng trọt về việc công nhận tiến bộ kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt</i>” (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 116/QĐ-TT-VPPN ngày 20/03/2023). Trong khi đó đơn vị góp ý cũng đề xuất theo Quyết định số 116/QĐ-TT-VPPN ngày 20/03/2023 nhưng lượng phân hữu cơ đề xuất lại không trùng khớp với Quyết định số 116/QĐ-TT-VPPN ngày 20/03/2023.</p> <p>* Tiếp thu ý kiến, bổ sung lượng vôi cho cây sầu riêng, ở phần vật tư nông nghiệp, cụ thể lượng vôi bột thời kỳ kiến thiết cơ bản như sau:</p> <p>+ Năm 2: 0,5-1 (Kg/cây/năm)</p> <p>+ Năm 3: 0,5-1 (Kg/cây/năm)</p> <p>+ Năm 4: 0,5-1 (Kg/cây/năm)</p>
--	--	--	--	--	---

			<p><i>của Cục Trồng trọt về việc công nhận tiến bộ kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt.</i></p> <p>b. Cây điều: * Vật tư: - Đạm nguyên chất (g/cây/ha) + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi): 300 (bón lần 1); 200 (bón lần 2). - Lân nguyên chất (g/cây/ha) + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi): 225 (bón lần 1) - Kali nguyên chất (g/cây/ha) + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi): 90 (bón lần 1); 150 (bón lần 2) - Vôi bột (kg/hố): + Năm 2: + Năm 3: + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi): - Phân hữu cơ vi sinh (kg/hố): + Năm 3: 1,5 + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi): 1,5</p>	<p><i>của Cục Trồng trọt về việc công nhận tiến bộ kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt.</i></p> <p>b. Cây điều: * Vật tư: - Đạm nguyên chất (g/cây/ha) + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi): 500 (bón lần 1); 350 (bón lần 2) - Lân nguyên chất (g/cây/ha) + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi): 250 (bón lần 1) - Kali nguyên chất (g/cây/ha) + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi): 150 (bón lần 1); 300 (bón lần 2) - Vôi bột (kg/hố): + Năm 2: 0,5-1 + Năm 3: 1-1,5 + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi): 1,5-3 - Phân hữu cơ vi sinh (kg/hố): + Năm 3: 3-5 + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi): 5-10 <i>Áp dụng theo Quyết định 4497/QĐ-BNN-TT ngày 03/11/2015 của Bộ Nông nghiệp về ban</i></p>	<p>+ Năm 5: 0,5-1 (Kg/cây/năm) (theo “<i>Quyết định số 116/QĐ-TT-VPPN ngày 20/03/2023 của Cục Trồng trọt về việc công nhận tiến bộ kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt</i>”)</p> <p>b. Cây điều: * Giữ nguyên theo dự thảo, vì Sở đã nghiên cứu, rà soát xây dựng định mức theo “<i>Quyết định 4497/QĐ-BNN-TT ngày 03/11/2015 của Bộ Nông nghiệp về ban hành quy trình trồng thay thế và thâm canh điều</i>” và đồng thời bổ sung những vật tư khác theo “<i>Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 về việc ban hành Quyết định định mức kinh tế kỹ thuật trồng, chăm sóc một số loại cây trồng trong thời kỳ kiến thiết cơ bản trên địa bàn tỉnh Bình Phước</i>” (Sau đây gọi tắt là Quyết định 4497/QĐ-BNN-TT ngày 03/11/2015 và Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013). Trong khi đó đơn vị góp ý cũng đề xuất theo Quyết định 4497/QĐ-BNN-TT ngày 03/11/2015 và Quyết định số</p>
--	--	--	---	---	--

			<p><i>hành quy trình trồng thay thế và thâm canh điều và Áp dụng Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 về việc ban hành Quyết định định mức kinh tế kỹ thuật trồng, chăm sóc một số loại cây trồng trong thời kỳ kiến thiết cơ bản trên địa bàn tỉnh Bình Phước</i></p> <p>c. Cây tiêu: * Giống: - Trồng mới: 1.100-1.600 nọc * Vật tư: - Đạm nguyên chất (kg/ha/năm):: + Năm 1: 90-100 + Năm 2: 150-200 + Năm 3: 150-200 + Năm 4: 250-350 - Lân nguyên chất (kg/ha/năm):: + Năm 1: 50-60 + Năm 2: 80-100 + Năm 3: 80-100 + Năm 4: 150-200 - Kali nguyên chất (kg/ha/năm): + Năm 1: 70-90 + Năm 2: 100-150 + Năm 3: 100-150 + Năm 4: 150-250</p>	<p><i>306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 nhưng lượng phân bón vô cơ nguyên chất, vôi bột, phân bón hữu cơ vi sinh đề xuất lại không trùng khớp với Quyết định 4497/QĐ-BNN-TT ngày 03/11/2015 và Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013.</i></p> <p>c. Cây tiêu: * Giống: - Trồng mới: 1.600-2.000 nọc * Vật tư: - Đạm nguyên chất (kg/ha/năm):: + Năm 1: 60-90 + Năm 2: 100-150 + Năm 3: 100-150 + Năm 4: 150-200 - Lân nguyên chất (kg/ha/năm):: + Năm 1: 30-50 + Năm 2: 60-90 + Năm 3: 60-90 + Năm 4: 100-150 - Kali nguyên chất (kg/ha/năm): + Năm 1: 50-70 + Năm 2: 80-100 + Năm 3: 80-100 + Năm 4: 100-150</p>	<p><i>306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 nhưng lượng phân bón vô cơ nguyên chất, vôi bột, phân bón hữu cơ vi sinh đề xuất lại không trùng khớp với Quyết định 4497/QĐ-BNN-TT ngày 03/11/2015 và Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013.</i></p> <p>c. Cây tiêu: * Giữ nguyên theo dự thảo, vì Sở đã nghiên cứu, rà soát xây dựng định mức theo “<i>Quyết định số 730/QĐ-BNN-TT ngày 05/03/2015 về quy trình trồng, chăm sóc và thu hoạch hồ tiêu</i>” và đồng thời bổ sung những vật tư khác theo “<i>Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 về việc ban hành Quyết định định mức kinh tế kỹ thuật trồng, chăm sóc một số loại cây trồng trong thời kỳ kiến thiết cơ bản trên địa bàn tỉnh Bình Phước</i>” (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 730/QĐ-BNN-TT ngày 05/03/2015 và Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013). Trong khi đó đơn vị đề xuất cũng áp</p>
--	--	--	---	--	--

			<p>- Nọc: 1.600 - Vôi bột (kg/nọc): + Năm 2: + Năm 3:</p>	<p>- Nọc: 1.600-2.000 - Vôi bột (kg/nọc): + Năm 2: 0,5 + Năm 3: 0,5 - <i>Áp dụng theo Quyết định số 730/QĐ-BNN-TT ngày 05/03/2015 về quy trình trồng, chăm sóc và thu hoạch hồ tiêu.</i> - <i>Áp dụng theo Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 về việc ban hành Quyết định định mức kinh tế kỹ thuật trồng, chăm sóc một số loại cây trồng trong thời kỳ kiến thiết cơ bản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.</i> - <i>Thực tế canh tác</i></p> <p>d. Cây cao su: Thêm mục: Phân hữu cơ vi sinh (kg/cây/năm): + Năm 2: 0,5 + Năm 3: 0,5-1 + Năm 4: 0,5-1 + Năm 5: 1-1,5 + Năm 6: 1-1,5 + Năm 7: 1-2 (Theo thực tế canh tác)</p>	<p>dùng theo Quyết định số 730/QĐ-BNN-TT ngày 05/03/2015 và Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 nhưng mức đề xuất lượng phân, vôi lại không trùng khớp với Quyết định số 730/QĐ-BNN-TT ngày 05/03/2015 và Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013.</p>
			<p>e. Cây cà phê vôi: * Vật tư: - Phân hữu cơ vi sinh (kg/cây/năm)</p>	<p>e. Cây cà phê vôi: * Vật tư: - Phân hữu cơ vi sinh (kg/cây/năm)</p>	<p>d.Cây cao su: * Tiếp thu ý kiến, giải trình: Đơn vị đề xuất thêm mục phân hữu cơ vi sinh (<i>theo thực tế canh tác</i>), chưa có đánh giá cụ thể thực tế và chưa có căn cứ pháp lý để xây dựng nên không đưa mục này vào dự thảo. (Trường hợp trong canh tác có sử dụng phân hữu cơ vi sinh, thì lượng bón theo khuyến cáo trên bao bì).</p> <p>e. Cây cà phê vôi: * Giữ nguyên theo dự thảo, vì lượng phân hữu cơ vi sinh có thể bón theo cách 1 năm hoặc 2 năm</p>

			+ Năm 2: 2-3 + Năm 3: + Năm 4: 2-3 - Thuốc xử lý mỗi, côn trùng (kg): + Năm 1: 10 + Năm 2: + Năm 3: + Năm 4:	+ Năm 2: 2-3 + Năm 3: 2-3 + Năm 4: 2-3 - Thuốc xử lý mỗi, côn trùng (kg): + Năm 1: 10 + Năm 2: 10 + Năm 3: 15 + Năm 4: 20 <i>Áp dụng theo Quyết định số 2085/QĐ-BNN- TT ngày 31 /05/2016 ban hành quy trình tái canh cà phê với.</i> - Áp dụng Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 về việc ban hành Quyết định mức kinh tế kỹ thuật trồng, chăm sóc một số loại cây trồng trong thời kỳ kiến thiết cơ bản trên địa bàn tỉnh Bình Phước. - Thực tế canh tác.	bón 1 lần (<i>Theo Quyết định số 2085/QĐ-BNN-TT ngày 31 /05/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy trình tái canh cà phê với</i>). Thuốc xử lý mỗi xử lý cho năm thứ nhất (theo Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 về việc ban hành Quyết định mức kinh tế kỹ thuật trồng, chăm sóc một số loại cây trồng trong thời kỳ kiến thiết cơ bản trên địa bàn tỉnh Bình Phước).
4	UBND huyện Bù Đốp	Công văn số 704/UBND-KT 02/04/2025 ngày	* Cây sầu riêng Phần I: Giống: Giống trồng mới: 125 – 156	* Cây sầu riêng Phần I: Giống: Giống trồng mới: 125 – 200	* Giữ nguyên theo dự thảo, vì Sở đã nghiên cứu, rà soát các quy định đã được ban hành và đã lựa chọn quy định mang tính phù hợp nhất về tiến bộ khoa học kỹ thuật để xây dựng định mức cho cây sầu riêng (<i>theo Quyết định số 116/QĐ-TT- VPPN ngày 20/03/2023 của Cục Trồng trọt về việc công nhận tiến bộ kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt</i>). Trong khi đó đơn vị góp ý đề xuất thay đổi mật độ trồng

					<p>(theo Quyết định 726/QĐ-BNN-KN 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông).</p> <p>Vì vậy, nên giữ nguyên theo dự thảo để đảm bảo tính áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong canh tác cây sầu riêng.</p>
			<p>Phần II: Vật tư nông nghiệp:</p> <p>- Vôi bột: Thời kỳ kiến thiết cơ bản</p> <p>+ Năm 2: 0</p> <p>+ Năm 3: 0</p> <p>+ Năm 4: 0</p> <p>+ Năm 5: 0</p>	<p>Phần II: Vật tư nông nghiệp:</p> <p>- Vôi bột: Thời kỳ kiến thiết cơ bản</p> <p>+ Năm 2: 0,5-1</p> <p>+ Năm 3: 0,5-1</p> <p>+ Năm 4: 0,5-1</p> <p>+ Năm 5: 0,5-1</p>	<p>* Tiếp thu ý kiến, bổ sung lượng vôi cho cây sầu riêng, ở phần vật tư nông nghiệp, cụ thể lượng vôi bột thời kỳ kiến thiết cơ bản như sau:</p> <p>+ Năm 2: 0,5-1 (Kg/cây/năm)</p> <p>+ Năm 3: 0,5-1 (Kg/cây/năm)</p> <p>+ Năm 4: 0,5-1 (Kg/cây/năm)</p> <p>+ Năm 5: 0,5-1 (Kg/cây/năm)</p> <p>(theo “Quyết định số 116/QĐ-TT-VPPN ngày 20/03/2023 của Cục Trồng trọt về việc công nhận tiến bộ kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt”)</p>
			<p>Phần V: Hệ Thống nước tưới</p> <p>- Ống cấp 1 (Ø60 mm): 150m</p> <p>- Ống cấp 2 (Ø49 mm): 250m</p> <p>- Ống cấp 3 (Ø27 mm): 690m</p> <p>- Co Ø60 mm: 0</p> <p>- Bút Ø60 mm: 14</p>	<p>Phần V: Hệ Thống nước tưới</p> <p>- Ống cấp 1 (Ø60 mm): 200m</p> <p>- Ống cấp 2 (Ø49 mm): 1.152m</p> <p>- Ống cấp 3 (Ø27 mm): 312m</p> <p>- Co Ø60 mm: 7</p> <p>- Bút Ø60 mm: 6</p>	<p>* Giữ nguyên theo dự thảo, vì Sở đã nghiên cứu, rà soát, tham khảo cho thấy đây là hệ thống tưới phun tự động phù hợp với thực tế canh tác hiện nay, đồng thời các tỉnh lân cận như tỉnh Đắk Nông,</p>

			<p>- T Ø60 mm: 12 - T Ø49 → Ø27 mm: 12 - Béc phun: 125</p> <p>* Cây điều Phần II: Vật tư: - Phân lân nguyên chất (P₂O₅): + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi): 0</p> <p>* Cây Hồ tiêu Phần I: Giống: - Trồng mới: 1.100-1.600</p>	<p>- T Ø60 mm: 6 - T Ø49 → Ø27 mm: 312 - Béc phun: 312</p> <p>* Cây điều Phần II: Vật tư: - Phân lân nguyên chất (P₂O₅): + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi): 225</p> <p>* Cây Hồ tiêu Phần I: Giống: - Trồng mới: 1.600-2.000</p>	<p>Đồng Nai đã áp dụng trong sản xuất và được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Quyết định số 4226/2017/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật cây trồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).</p> <p>* Tiếp thu ý kiến, bổ sung vào Phụ lục II, định mức cho cây điều, ở phần vật tư: bón lần 01 phân lân tương đương hàm lượng lân nguyên chất (P₂O₅): 225 (g/cây/lần) theo định mức tại “Quyết định 4497/QĐ-BNN-TT ngày 03/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và ban hành quy trình trồng thay thế và thâm canh điều”.</p> <p>* Giữ nguyên theo dự thảo, vì Sở đã nghiên cứu, rà soát xây dựng khoảng cách, mật độ trồng áp</p>
--	--	--	--	--	---

			<p>* Cây Cao Su Phần II. Vật tư: - Đạm nguyên chất (N): + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 7 trở đi): 45 - Lân nguyên chất (P2O5): + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 7 trở đi): 22 - Kali nguyên chất (K₂O) + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 7 trở đi): 45 - Hữu cơ vi sinh: + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 7 trở đi): 0</p>	<p>* Cây Cao Su Phần II. Vật tư: - Đạm nguyên chất (N): + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 7 trở đi): 70 - Lân nguyên chất (P2O5): + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 7 trở đi): 30 - Kali nguyên chất (K₂O) + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 7 trở đi): 72 - Hữu cơ vi sinh: + Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 7 trở đi): 2.250</p>	<p>dụng theo “Quyết định số 730/QĐ-BNN-TT ngày 05/03/2015 về quy trình trồng, chăm sóc và thu hoạch hồ tiêu”. Phù hợp với thực tế của địa phương.</p> <p>* Giữ nguyên theo dự thảo, vì Sở đã nghiên cứu, rà soát các quy định đã được ban hành để xây dựng định mức cho cây cao su và đã lựa chọn quy định mang tính phù hợp nhất trong sản xuất cao su hiện nay (Quyết định số 4689/QĐ-BNN-TT ngày 01/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình kỹ thuật cây cao su). Trong khi đó đơn vị góp ý đề xuất thay đổi lượng phân bón ở thời kỳ kinh doanh từ năm thứ 7 trở đi (theo Quyết định 726/QĐ-BNN-KN 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông). Như vậy, để đảm bảo sự đầu tư thống nhất từ thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm 1-6) đến thời kỳ kinh doanh (năm 7 trở đi) theo đúng một quy trình, thì việc giữ nguyên dự thảo là</p>
--	--	--	---	---	---

				<p>* Bổ sung thêm Mục 6: Cây cà phê hữu cơ (thời kỳ kinh doanh từ năm thứ 5 trở đi cho 1ha). Áp dụng theo “Quyết định 726/QĐ-BNN-KN 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông”.</p>	<p>phù hợp.</p> <p>* Tiếp thu ý kiến, giải trình: Theo “Quyết định 726/QĐ-BNN-KN 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông” thì đây là mô hình thâm canh cà phê hữu cơ thời kỳ kinh doanh từ năm thứ 5 trở đi, mô hình này đã được xây dựng tại định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các hoạt động khuyến nông lĩnh vực Trồng trọt – BVTV nên không cần bổ sung.</p>
5	UBND huyện Phú Riềng	Công văn số 731/UBND-SX ngày 18/04/2025		<p>* Đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:</p> <p>- Tại Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Quyết định không nêu đối tượng vật nuôi, nuôi và sản xuất giống thủy sản. Vì thế, cần bổ sung thêm đối tượng vật nuôi, nuôi và sản xuất giống thủy sản tại Điều 1.</p>	<p>* Tiếp thu ý kiến, giải trình: Thực hiện Công văn số 1421/UBND-KT ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc chấp thuận chủ trương xây dựng Quyết định của UBND tỉnh ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng và Quyết định ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Sau đây gọi tắt là Công văn số 1421/UBND-KT ngày 19/4/2024).</p>

				<p>- Tại Điều 1: Nêu chung là định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng (Theo đúng Công văn số 1421/UBND-KT ngày 19/4/2024). Vì vậy, giữ nguyên theo dự thảo.</p> <p>- Tại Điều 2: Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước của dự thảo Quyết định không nêu đối tượng vật nuôi, nuôi và sản xuất giống thủy sản (<i>Tuy nhiên trong Phụ lục và khoản 1 Điều 2 có nêu</i>). Do đó, cần bổ sung thêm đối tượng vật nuôi, nuôi và sản xuất giống thủy sản tại Điều 2 và chỉnh sửa, bổ sung câu từ cho hợp lý tại khoản 1 Điều 2 này.</p> <p>- Các nội dung góp ý bổ sung thêm vào Tờ trình, Quyết định và phụ lục kèm theo: Tại tiêu đề của dự thảo Tờ trình, Quyết định cần bổ sung đối tượng vật nuôi, nuôi và sản xuất giống thủy sản hợp lý hơn khi ban hành; Tại phụ lục kèm theo cần bổ sung thêm các đối tượng vật nuôi như gia súc, gia cầm nhằm làm cơ sở dữ liệu xây dựng Kế hoạch, Dự án...từ</p>	<p>- Tại Điều 1: Nêu chung là định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng (Theo đúng Công văn số 1421/UBND-KT ngày 19/4/2024). Vì vậy, giữ nguyên theo dự thảo.</p> <p>- Tại Điều 2: Thể hiện chi tiết nội dung xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng. Cụ thể: Định mức cho sản xuất giống điều, nuôi và sản xuất giống thủy sản nước ngọt trong ao (<i>Chi tiết tại Phụ lục I</i>). Định mức trồng một số loại cây trồng: cây sầu riêng, cây điều, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê vối (<i>Chi tiết tại Phụ lục II</i>). Vì vậy, giữ nguyên theo dự thảo.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến góp ý, giải trình: Tiêu đề của dự thảo Tờ trình, Quyết định được xây dựng theo đúng Công văn số 1421/UBND-KT ngày 19/4/2024. Sau khi định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng được UBND tỉnh phê duyệt, trong quá trình thực hiện Sở sẽ thường xuyên rà</p>
--	--	--	--	---	---

				đó để áp dụng các chính sách để hỗ trợ phát triển nông nghiệp địa phương.	soát, đánh giá để tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật còn thiếu (Bổ sung thêm đối tượng vật nuôi, đối tượng cây trồng khác) hoặc điều chỉnh, bổ sung khi không còn phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.
6	UBND thị xã Bình Long	Công văn số 1502/UBND-SX ngày 25/04/2025		<p>1. Cây sầu riêng * Hệ thống phun tưới: Đề xuất bổ sung: - Ống LDPE 5x7mm: 312,5-390 mét - Ống nối 2 đầu 6 ly: 125-156 cái - Dây treo: 125-156 cái</p> <p>2. Cây hồ tiêu * Hệ thống phun tưới: Đề xuất bổ sung: - Ống LDPE 5x7mm: 1650-2400 mét - Ống nối 2 đầu 6 ly: 1.100-1.600 cái - Que cắm: 1.100-1.600 cái.</p> <p>3. Cây cà phê vối * Hệ thống phun tưới: Đề xuất bổ sung: - Ống LDPE 5x7mm: 1.666,5 mét - Ống nối 2 đầu 6 ly: 1.111 cái - Que cắm: 1.111 cái</p>	<p>1. Cây sầu riêng: Tiếp thu ý kiến, bổ sung vào hệ thống phun tưới: - Ống LDPE 5x7mm: 312,5-390 mét - Ống nối 2 đầu 6 ly: 125-156 cái - Dây treo: 125-156 cái</p> <p>2. Cây hồ tiêu: Tiếp thu ý kiến, bổ sung vào hệ thống phun tưới: - Ống LDPE 5x7mm: 1650-2400 mét - Ống nối 2 đầu 6 ly: 1.100-1.600 cái - Que cắm: 1.100-1.600 cái.</p> <p>3. Cây cà phê vối: Tiếp thu ý kiến, bổ sung vào hệ thống phun tưới: - Ống LDPE 5x7mm: 1.666,5 mét - Ống nối 2 đầu 6 ly: 1.111 cái</p>

					- Que cắm: 1.111 cái
--	--	--	--	--	----------------------